TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2020/DS-PT Ngày: 11-3-2020 V/v: Li hôn giữa anh M và chị K	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Li hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi li hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/TCDS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-PT ngày 03/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Quang M, sinh năm 1975.

Nơi ĐKHKTT (Nơi ở hiện nay): Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1978.

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Quang M, sinh năm 1945;

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1950;

Nơi ĐKHKTT (Nơi ở hiện nay): Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà T: Anh Trần Quang M, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền ngày 17-9-2019).

Tại phiên tòa: Có mặt anh M, chị K. Vắng mặt ông M, bà T.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Quang M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện V vào ngày 22-01-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ đẻ anh M ở thôn P - xã H - huyện V. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; Chị K bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 6-2018, đến Tết nguyên đán chị K quay về ăn tết cùng gia đình, nhưng sau đó chị tiếp tục bỏ đi. Anh M xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 6-2018 cho đến nay. Vì vậy anh M yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Anh M và chị K có 03 con chung, cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 20-02-2000; cháu Trần Quang Quỳnh, sinh ngày 25-6-2005; cháu Trần Vân Anh, sinh ngày 01-9-2015. Ly hôn, anh M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh và giao cháu Vân Anh cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Còn cháu Nhung đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của anh M là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M nghi ngờ cho chị K lấy số tiền 500.000 đồng của anh M, nên vợ chồng bắt đầu tranh cãi với nhau về kinh tế. Anh M không tin tưởng chị K và dần dần anh không quan tâm chăm sóc vợ con, anh đi làm và chơi bời với bạn bè. Có lần còn đánh chị K chảy máu mồm máu mũi. Anh M còn thông báo với gia đình anh em

họ hàng là năm nay sẽ lấy vợ mới. Anh M đuổi chị K ra khỏi nhà nên chị K bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn P - xã H để ở. Chị K đã nhiều lần nhờ bố mẹ, gia đình, anh em họ hàng làng xóm nói chuyện để vợ chồng và các con được đoàn tụ, nhưng anh M không đồng ý. Nếu anh M kiên quyết ly hôn thì chị K cũng đồng ý ly hôn với anh M.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung như lời trình bày của anh M là đúng. Ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng cháu V và giao cháu Q cho anh M nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Còn cháu N đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng có tài sản chung và đã được hội đồng định giá cụ thể như sau:

* Các công trình xây dựng gồm:

+ 01 Nhà cấp bốn lợp tôn, diện tích 45m^2, xây dựng năm 2009, có giá trị còn lại là 24.649.000đ.

+ 01 Công trình phụ khép kín, xây dựng năm 2009, gồm: Bếp lợp broximang diện tích 6,21 m^2 có giá trị còn lại là 2.701.000đ; Nhà vệ sinh + nhà tắm đổ mái bằng diện tích 5,94 m^2 có giá trị còn lại là 3.965.000đ.

+ 01 Mái hiên lợp tôn, làm năm 2015, có giá trị còn lại là 6.163.000đ.

+ 01 Dãy tường bao xây bằng gạch bi bê tông, xây dựng năm 2015, giá trị còn lại là 8.969.000đ.

+ Cổng trụ xây gạch bi, giá trị còn lại là 396.000đ.

+ Cánh cổng sắt vuông bịt tôn, gia trị còn lại là 600.000đ.

Toàn bộ những tài sản trên được xây dựng trên phần đất của bố mẹ anh M là ông Trần Quang M và bà Hoàng Thị T, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Các tài sản khác, gồm:

+ 02 Điều hòa nhãn hiệu DAIKIN, mua năm 2017, giá trị còn lại là 9.000.000đ.

+ 01 Tủ lạnh nhãn hiệu SHARP, mua năm 2009, giá trị còn lại: 500.000đ.

+ 01 Li-oa điện, mua năm 2015, giá trị còn lại: 190.000đ.

+ 01 Đầu âm li, 02 loa âm thanh mua năm 2015, hiện nay đã bị hỏng, không sử dụng được, giá trị thực tế còn lại: 50.000đ.

+ 01 Xe đạp Trung Quốc, giá trị còn lại: 10.000đ.

+ 01 Xe đạp mini Nhật, giá trị còn lại: 200.000đ.

+ 01 Xe mô tô nhãn hiệu MAGIC, BKS 18P3 - 4845, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Đắc Ka. Hiện giấy đăng ký xe đã bị thất lạc không biết ở đâu, giá trị còn lại: 1.500.000đ.

+ 01 Bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI, mua năm 2016, giá trị còn lại là: 1.000.000đ.

+ 01 Tủ quần áo đóng bằng khung sắt cửa nhựa, mua năm 2018, giá còn lại: 50.000đ.

+ 01 Tủ quần áo bằng tôn, giá trị còn lại 10.000đ.

(Toàn bộ các tài sản đã nêu trên hiện nay do anh M đang quản lý và sử dụng).

+ Những tài sản chị K đang quản lý gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu MES 313 16 chỗ, BKS 18B-01860; chiếc xe đã được chị bán với giá 230.000.000 đ, chị đã sử dụng một phần số tiền này để trả hết toàn bộ công nợ chung của vợ chồng; nay chị đang quản lý số tiền 60.000.000 đ; 1,7 Mẫu lúa BC đã gặt từ tháng 10-2018, chị đã bán và chi dùng hết cho gia đình.

Quan điểm của chị K về giải quyết tài sản chung như sau: Về ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng, chị đề nghị giao một nửa ngôi nhà cho chị và các con sử dụng. Còn những tài sản chung khác của vợ chồng thì mỗi người được hưởng ½, người nào được nhận phần tài sản nhiều hơn phải thanh toán bằng tiền mặt tương ứng với phần chênh lệch tài sản cho người còn lại.

- Về tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh M không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T trình bày: Sau khi anh M chị K kết hôn và có ý định ra ở riêng thì vợ chồng bà đồng ý cho anh M chị K mượn một phần đất khoảng 90 m^2 nằm về phía tây của thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông M, bà T và của Nhà thờ, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để dựng nhà. Ông, bà cho anh M, chị K mượn đất khoảng 10 năm nay. Nếu vợ chồng anh M, chị K ly hôn, bà không chấp nhận yêu cầu của chị K được trực tiếp quản lý và sử dụng các công trình xây dựng đang nằm trên thửa đất của ông bà, mà bà chỉ chấp nhận cho anh M và các cháu được sinh sống trên thửa đất này. Ngoài ra bà đồng ý tạo mọi điều kiện cho anh M và các cháu được ở trên thửa đất của ông bà và nhà thờ.

* Đối với ông Trần Quang M không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án do tuổi cao, sức yếu; nhưng ông M và bà T đã ủy quyền toàn bộ cho anh M tham gia giải quyết vụ án.

Từ nội dung vụ án như trên, tại dân sự sơ thẩm số 21/2019/TCDS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang M và chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 20-02-2000 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Quang Quỳnh, sinh ngày 25-6-2005 cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Vân Anh, sinh ngày 01-9-2015 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Anh Trần Quang M và chị Nguyễn Thị K đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

* Giao cho anh Trần Quang M trực tiếp sở hữu, quản lý và sử dụng những tài sản sau:

+ 01 Nhà cấp bốn lợp tôn, diện tích 45m^2, xây dựng năm 2009, giá trị còn lại 24.649.000đ.

+ 01 Công trình phụ khép kín (Gồm bếp lợp broximang; nhà tắm và nhà vệ sinh đổ mái bằng). Nhà vệ sinh + nhà tắm diện tích 5,94 m^2 có giá trị còn lại 3.965.000đ. Bếp diện tích 6,21m^2 có giá trị còn lại 2.701.000đ.

+ 01 Mái hiên lợp tôn, giá trị còn lại 6.163.000đ.

+ 01 Dãy tường bao xây bằng gạch bi, gía trị còn lại 8.969.000đ.

+ Cổng trụ xây gạch bi, giá trị còn lại 396.000đ.

+ Cánh cổng sắt vuông bịt tôn, giá trị còn lại 600.000đ.

(Các công trình xây dựng kể trên đều nằm trên thửa đất số: 113, tờ bản đồ số 03 xã Hiển Khánh; chủ sử dụng đất Trần Quang M + Nhà thờ họ; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định).

- Các tài sản khác, gồm:

+ 02 Điều hòa nhãn hiệu DAIKIN, giá trị còn lại 9.000.000đ.

+ 01 Tủ lạnh nhãn hiệu SHARP, giá trị còn lại 500.000đ.

+ 01 Li-oa điện, giá trị còn lại 190.000đ.

+ 01 Bộ dàn âm thanh (gồm: 01 Đầu âm li, 02 loa âm thanh), đã hỏng, giá trị còn lại: 50.000đ.

+ 01 Xe đạp Trung Quốc, giá trị còn lại 10.000đ.

+ 01 Xe đạp mini Nhật, giá trị còn lại 200.000đ.

+ 01 Xe mô tô nhãn hiệu MAGIC, BKS 18P3 - 4845, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Đắc Ka; giá trị còn lại 1.500.000đ.

+ 01 Bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI, giá trị còn lại 1.000.000đ.

+ 01 Tủ quần áo đóng bằng khung sắt cửa nhựa, giá trị còn lại 50.000đ.

+ 01 Tủ quần áo bằng tôn, giá trị còn lại 10.000đ.

Tổng giá trị khối tài sản anh M được giao là: 59.953.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm năm ba nghìn đồng).

* Giao cho chị Nguyễn Thị K sở hữu, quản lý và sử dụng số tiền còn lại sau khi bán xe ô tô BKS 18B-01860 là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Anh M, chị K không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 01/11/2019, chị Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo với nội dung: Chị K hoàn toàn nhất trí các quyết định của cấp sơ thẩm về việc xử thuận tình li hôn và giao con cho vợ chồng sau khi li hôn. Chị kháng cáo đề nghị chia trị giá một nửa ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng mà chị được hưởng cho cháu Trần Quang Quỳnh được sở hữu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Chị trình bày hiện không có nhu cầu về chỗ ở, chị cũng không muốn về ở trên đất của bố mẹ chồng, mà chị K chỉ muốn được chia nửa ngôi nhà của vợ chồng và chị để lại cho cháu Quỳnh quản lý sử dụng.

+ Anh Trần Quang M trình bày quan điểm hoàn toàn nhất trí với các quyết định của cấp sơ thẩm, và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo, kháng cáo của chị Nguyễn Thị K đề nghị được chia nửa ngôi nhà rồi để lại cho cháu Q quản lý sử dụng là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với thực tế.

Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị K làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo thấy:

- Về tài sản chung của anh Trần Quang M và chị Nguyễn Thị K được hình thành trong quá trình hôn nhân như cấp sơ thẩm đã xác định và định giá đều được các đương sự thống nhất và không có ý kiến mâu thuẫn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi li hôn giữa anh M và chị K thấy, cấp sơ thẩm đã định giá những tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật. Nhận thấy ngôi nhà cấp 4 có diện tích 45m^2, hiện nay đã xuống cấp, có trị giá 24.649.000 đồng, ngôi nhà này do anh chị M - K cùng đóng góp công sức xây dựng trên nền đất của ông bà M - T. Hiện diện tích đất này vẫn thuộc quyền quản lý sở hữu của ông bà M - T. Anh chị M - K chưa được cấp GCNQSDĐ đối với nhà đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị K trình bày không có nhu cầu về nhà ở và cũng không muốn về ở trên đất của bố mẹ chồng nhưng chị muốn được chia nửa ngôi nhà cấp 4 rồi chị giao lại cho cháu Quỳnh quản lý sử dụng

Trên cơ sở xem xét nguồn gốc, nguyện vọng và yêu cầu của các đương sự phù hợp với thực tế, đối chiếu với các quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã phân chia anh M được quyền quản lý sử dụng ngôi nhà cấp 4 và các tài sản đi kèm có tổng trị giá 59.953.000 đồng; Chị K được quản lý sử dụng số tiền 60.000.000 đồng, là hoàn toàn phù hợp với các quy định của luật Hôn nhân gia đình và pháp luật dân sự.

Chị K kháng cáo đề nghị được chia một nửa ngôi nhà cấp 4 rồi chuyển lại cho cháu Trần Quang Quỳnh được quản lý sử dụng, là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với thực tế, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tài sản chung:

* Giao cho anh Trần Quang M trực tiếp sở hữu, quản lý và sử dụng những tài sản sau:

+ 01 Nhà cấp bốn lợp tôn, diện tích 45m^2, xây dựng năm 2009, giá trị còn lại 24.649.000đ.

+ 01 Công trình phụ khép kín (Gồm bếp lợp broximang; nhà tắm và nhà vệ sinh đổ mái bằng). Nhà vệ sinh + nhà tắm diện tích 5,94 m^2 có giá trị còn lại 3.965.000đ. Bếp diện tích 6,21m^2 có giá trị còn lại 2.701.000đ.

+ 01 Mái hiên lợp tôn, giá trị còn lại 6.163.000đ.

+ 01 Dãy tường bao xây bằng gạch bi, gía trị còn lại 8.969.000đ.

+ Cổng trụ xây gạch bi, giá trị còn lại 396.000đ.

+ Cánh cổng sắt vuông bịt tôn, giá trị còn lại 600.000đ.

(Các công trình xây dựng kể trên đều nằm trên thửa đất số: 113, tờ bản đồ số 03 xã Hiển Khánh; chủ sử dụng đất Trần Quang M + Nhà thờ họ; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định).

- Các tài sản khác, gồm:

+ 02 Điều hòa nhãn hiệu DAIKIN, giá trị còn lại 9.000.000đ.

+ 01 Tủ lạnh nhãn hiệu SHARP, giá trị còn lại 500.000đ.

+ 01 Li-oa điện, giá trị còn lại 190.000đ.

+ 01 Bộ dàn âm thanh (gồm: 01 Đầu âm li, 02 loa âm thanh), đã hỏng, giá trị còn lại: 50.000đ.

+ 01 Xe đạp Trung Quốc, giá trị còn lại 10.000đ.

+ 01 Xe đạp mini Nhật, giá trị còn lại 200.000đ.

+ 01 Xe mô tô nhãn hiệu MAGIC, BKS 18P3 - 4845, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Đắc Ka; giá trị còn lại 1.500.000đ.

+ 01 Bình nóng lạnh nhãn hiệu ROSSI, giá trị còn lại 1.000.000đ.

+ 01 Tủ quần áo đóng bằng khung sắt cửa nhựa, giá trị còn lại 50.000đ.

+ 01 Tủ quần áo bằng tôn, giá trị còn lại 10.000đ.

Tổng giá trị khối tài sản anh M được giao là: 59.953.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm năm ba nghìn đồng).

* Giao cho chị Nguyễn Thị K sở hữu, quản lý và sử dụng số tiền còn lại sau khi bán xe ô tô BKS 18B-01860 là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Anh M, chị K không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

4.2.Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị K đã nộp theo biên lai số 0001856 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản. Chị K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Vụ Bản;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Vũ Thị Mai Hương